

Số: 3967 /UBND

Quận 9, ngày 28 tháng 11 năm 2018

Về triển khai công tác thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; thiết kế - dự toán xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng.

Kính gửi:

- Các Phòng, ban thuộc quận;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND quận;
- Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận;
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận;
- Ủy ban nhân dân 13 phường.

Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hồ Chí Minh.

Để triển khai thực hiện công tác thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; thiết kế, dự toán xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng, Ủy ban nhân dân Quận 9 đề nghị các cơ quan đơn vị thực hiện như sau:

1. Các văn bản pháp luật có liên quan:

- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;
- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;
- Nghị định số 119/NĐ-CP ngày 13/11/2015 quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 139/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;
- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;
- Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;
- Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 10/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BXD-BNV ngày 16/11/2015 của Bộ Xây dựng - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc Tỉnh về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng;
- Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương và phòng Tài chính Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc Tỉnh;

- Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

- Thông tư số 16/2016/TT-BKHĐT ngày 16/12/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

- Thông tư số 29/2016/TT-BXD ngày 29/12/2016 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với cần trục tháp, máy vận thăng và sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng;

- Thông tư số 30/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình;

- Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06/02/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;



- Thông tư số 11/2017/TT-BXD ngày 16/10/2017 của Bộ Xây dựng Ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với hệ thống cốt pha trượt; cần phân phối bê tông độc lập; máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc sử dụng trong thi công xây dựng công trình;

- Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của Bộ Xây dựng về quy định sử dụng vật liệu không nung trong các công trình xây dựng;

- Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng;

- Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;

- Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

- Quyết định số 1406/QĐ-BXD ngày 30/12/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng năm 2016;

- Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;

- Quyết định số 451/QĐ-BXD ngày 23/5/2017 của Bộ Xây dựng về việc Công bố Hướng dẫn đo bóc khối lượng xây dựng công trình;

- Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng Thông tư hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng;

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 24/4/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Một số văn bản khác có liên quan.

2. Một số nội dung chính liên quan đến thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; thiết kế, dự toán xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở; kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

2.1 Về thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

- Đối với dự án có cấu phần xây dựng (thực hiện theo Khoản 3 Điều 30 Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND): “Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho

Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố do các đơn vị trực thuộc quận - huyện và Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận - huyện làm chủ đầu tư, bao gồm: Dự án nhóm C; dự án trường phổ thông, trường mầm non nhóm B trở xuống; Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng”.

- Đối với dự án không có cấu phần xây dựng (thực hiện theo Khoản 3 Điều 32 Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND): “Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư dự án nhóm C do các đơn vị trực thuộc quận - huyện và Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận - huyện làm chủ đầu tư”.

2.2 Về trình tự thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở; kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (tham khảo phụ lục đính kèm)

3. Tổ chức thực hiện

3.1 Phòng Quản lý đô thị quận:

- Chủ trì thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các dự án do Ủy ban nhân dân Quận 9 quyết định đầu tư (quy định tại Khoản 10 Điều 6 Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BXD-BNV).

- Quá trình thẩm định có văn bản đề nghị phòng Tài chính - Kế hoạch quận thẩm định về sự cần thiết, hiệu quả đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư, suất đầu tư, giá thiết bị và kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chung với quyết định phê duyệt dự án đầu tư, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

3.2 Phòng Tài chính - Kế hoạch quận:

- Thực hiện thẩm định về sự cần thiết, hiệu quả đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án, suất đầu tư và giá thiết bị..., khi nhận được văn bản của phòng Quản lý đô thị hoặc chủ đầu tư.

- Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu và ban hành báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân quận quyết định đầu tư (quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV).

3.3 Chủ đầu tư (tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân quận giao nhiệm vụ):

- Tổ chức nghiên cứu, lập hồ sơ, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư sau khi có chủ trương đầu tư và được giao kế hoạch vốn theo Luật Đầu tư công.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đến dự án đầu tư nghiên cứu tính khả thi và hiệu quả đầu tư để trình dự án đầu tư gửi cho phòng Quản lý đô thị quận thẩm định.



- Trình thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 và thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Kiểm tra, rà soát và chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và pháp luật về tính pháp lý, nội dung của hồ sơ trình thẩm định; giải trình, hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định theo yêu cầu của cơ quan thẩm định.

- Lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thực hiện công tác thẩm tra phục vụ thẩm định và chịu trách nhiệm kiểm tra nội dung công tác thẩm tra của đơn vị tư vấn.

3.4 Phòng Tài nguyên và Môi trường quận:

- Tổ chức thẩm định nội dung liên quan đến lĩnh vực môi trường và có ý kiến về ranh đất khi có văn bản yêu cầu.

3.5 Các phòng, ban chuyên môn khác trực thuộc quận; Ủy ban nhân dân 13 phường:

- Phối hợp thực hiện và có ý kiến bằng văn bản các nội dung có liên quan khi nhận được văn bản đề nghị của phòng Quản lý đô thị hoặc chủ đầu tư.

Ủy ban nhân dân quận đề nghị phòng ban thuộc quận, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình quận, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích quận, Ủy ban nhân dân 13 phường nghiên cứu thực hiện theo các quy định nêu trên và tiếp tục cập nhật các văn bản mới có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ, chất lượng và đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn các đơn vị chủ động báo cáo Ủy ban nhân dân quận xin ý kiến chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Hội đồng nhân dân quận;
- TT Ủy ban nhân dân quận;
- Sở Xây dựng;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, QLĐT (P).

(đính kèm phụ lục)



CHỦ TỊCH

Trần Văn Bảy

PHỤ LỤC

(Đính kèm Công văn số 3967./UBND ngày 28. tháng 11. năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 9)

1. Trình tự thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở

Trình tự thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 30 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP:

a. Trình thẩm định dự án:

- Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan thẩm định để thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân Quận 9 quyết định đầu tư.

- Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án sử dụng vốn khác có yêu cầu thẩm định thiết kế cơ sở: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan thẩm định để thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở (hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) do Ủy ban nhân dân Quận 9 quyết định đầu tư.

b. Trình thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở: Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến cơ quan thẩm định để thực hiện thẩm định đối với các công trình đã được Ủy ban nhân dân Quận 9 phê duyệt dự án đầu tư công trình thuộc dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và công trình thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách.

2. Hồ sơ trình thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

a. Hồ sơ trình thẩm định dự án, thiết kế cơ sở gồm: Tờ trình thẩm định và danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP (hồ sơ bao gồm phần thuyết minh và bản vẽ thiết kế cơ sở, các hồ sơ pháp lý có liên quan).

b. Hồ sơ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng gồm: Tờ trình thẩm định và danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP (hồ sơ bao gồm phần thuyết minh và bản vẽ thiết kế thi công, các hồ sơ pháp lý có liên quan).

c. Hồ sơ trình thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình gồm: Tờ trình thẩm định và danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP

(hồ sơ bao gồm phần thuyết minh và bản vẽ thiết kế thi công, các hồ sơ pháp lý có liên quan).

3. Thực hiện thẩm định

a. Việc thẩm định được thực hiện khi cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kết thúc khi có văn bản Thông báo kết quả thẩm định. Thời hạn thẩm định tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 và Khoản 8 Điều 30 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, cụ thể:

- Thời gian thẩm định dự án không quá 30 (ba mươi) ngày đối với dự án nhóm B, không quá 20 (hai mươi) ngày đối với dự án nhóm C và dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

- Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở không quá 20 (hai mươi) ngày đối với dự án nhóm B, không quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm C.

- Thời gian thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng:

- + Không quá 30 (ba mươi) ngày đối với công trình cấp II và cấp III.

- + Không quá 20 (hai mươi) ngày đối với các công trình còn lại.

b. Nội dung thẩm định theo quy định tại Điều 58, Điều 83 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Điều 6, Điều 10 của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

c. Trong quá trình thực hiện thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu cần thiết) về các nội dung của dự án (quy định tại Khoản 6 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP); yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định về môi trường, phòng, chống cháy, nổ và nội dung khác theo quy định của pháp luật (quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP). Thời hạn tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 và Khoản 3, 4 Điều 30 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, cụ thể:

- Thời gian đối với dự án, thiết kế cơ sở không quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B, không quá 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C.

- Thời gian đối với thiết kế, dự toán xây dựng: không quá 20 (hai mươi) ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; không quá 15 (mười lăm) ngày đối với công trình cấp II và cấp III; không quá 10 (mười) ngày đối với các công trình còn lại.

- Quá thời hạn quy định nêu trên, các cơ quan, tổ chức có liên quan không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến về hồ sơ thiết kế và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

d. Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định có quyền:

- Mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định từng phần thiết kế xây dựng, thiết kế công nghệ, dự toán xây dựng

công trình để phục vụ công tác thẩm định của mình (quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP).

- Yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức tư vấn thẩm tra phục vụ công tác thẩm định (quy định tại Khoản 5 Điều 11 và Khoản 4 Điều 30 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP).

- Yêu cầu chủ đầu tư giải trình, làm rõ các nội dung liên quan đến thẩm định khi cần thiết.

4. Kết quả thẩm định và thông báo kết quả thẩm định

a. Kết quả thẩm định phải thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

b. Cơ quan thẩm định có trách nhiệm thông báo kết quả thẩm định đến Chủ đầu tư theo hình thức gửi qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản hoặc gửi trực tiếp.

c. Hồ sơ trình thẩm định sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện được cơ quan thẩm định kiểm tra, đóng dấu thẩm định trên một (01) bộ hồ sơ dự án, bản vẽ thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình. Chủ đầu tư có trách nhiệm nộp bản chụp (photocopy hoặc file PDF) tài liệu báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, thiết kế và dự toán xây dựng công trình đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan thẩm định (theo quy định tại Khoản 13 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014).

d. Khi kết thúc công tác thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm:

- Lưu trữ, bảo quản một số tài liệu gồm: Tờ trình thẩm định; các kết luận của tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định; văn bản góp ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan; Thông báo kết quả thẩm định; các bản chụp tài liệu đã đóng dấu thẩm định theo quy định.

5. Thẩm tra phục vụ công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình

Thẩm tra phục vụ công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 30 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP:

a. Căn cứ yêu cầu thẩm tra của cơ quan thẩm định, chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn trực tiếp tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp để ký kết hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định.

b. Tổ chức tư vấn được lựa chọn thực hiện thẩm tra phục vụ công tác thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật và theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 17/2016/TT-BXD và Điều 57 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

- Đã được đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng theo quy định tại Điều 69 của



Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức tư vấn thẩm tra chưa đăng ký thông tin năng lực hoạt động xây dựng thì phải được cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng chấp thuận bằng văn bản.

- Độc lập về pháp lý, tài chính với chủ đầu tư và với các nhà thầu tư vấn lập dự án, thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

c. Quy định về lựa chọn trực tiếp tư vấn thẩm tra phục vụ công tác thẩm định theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định cụ thể như sau:

Cơ quan thẩm định có đề xuất về yêu cầu, phạm vi công việc thẩm tra phục vụ công tác thẩm định gồm một số nội dung chủ yếu sau:

- Các nội dung quy định tại các Điểm c, d, đ, e Khoản 2 và Khoản 3 Điều 58 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đối với thẩm định dự án, thiết kế cơ sở.

- Các nội dung quy định tại các Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đối với thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- Các nội dung quy định tại Khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 83 của Luật Xây dựng đối với thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.

d. Thời gian thực hiện thẩm tra:

- Trường hợp thẩm tra dự án, thiết kế cơ sở không quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B, không quá 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C quy định tại Khoản 5, Điều 11 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

- Trường hợp thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; 10 ngày đối với các công trình còn lại (quy định tại Khoản 4, Điều 30 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP).

- Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

e. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá đối với báo cáo kết quả thẩm tra do tư vấn thực hiện trước khi gửi đến cơ quan thẩm định. Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra phục vụ thẩm định thực hiện theo mẫu số 02, 03 Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016.

6. Phê duyệt dự án (hoặc dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng) và phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở

a. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình với các nội dung quy định tại Điều 28 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Người quyết định đầu tư được phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt thiết kế, dự

toán xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 72 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

b. Mẫu quyết định phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD.

7. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

8. Điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình

a. Các trường hợp điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Điều 11 của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

b. Người quyết định đầu tư quyết định điều chỉnh thiết kế xây dựng khi có thay đổi về mục tiêu, quy mô đầu tư, công năng sử dụng, địa điểm xây dựng, địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực (trừ các trường hợp điều chỉnh làm tăng tính an toàn công trình) và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình; điều chỉnh dự toán xây dựng công trình trong trường hợp việc điều chỉnh dự toán dẫn đến làm tăng tổng mức đầu tư dự án được duyệt.

c. Chủ đầu tư tự quyết định điều chỉnh thiết kế xây dựng đối với các trường hợp khác, trừ các trường hợp được quy định tại Điểm b Mục này. Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh thiết kế xây dựng do mình quyết định thực hiện.

d. Thiết kế, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh thuộc thẩm quyền phê duyệt của người quyết định đầu tư phải được tổ chức thẩm định lại. Trình tự thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh được thực hiện tương tự như quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Thông tư số 02/VBHN-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng.

9. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng:

Thực hiện theo Điều 13 Thông tư số 26/2016/TT-BXD và Điều 5 Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 24/4/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố, cụ thể:

a. Đối với các công trình được Ủy ban nhân dân Quận 9 phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, trong thời gian 15 ngày kể từ ngày khởi công công trình, chủ đầu tư phải báo cáo thông tin công trình bằng văn bản theo Mẫu số 01 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD gửi đến phòng Quản lý đô thị Quận 9.

b. Phòng Quản lý đô thị quận có trách nhiệm thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra; tổ chức thực hiện kiểm tra (kiểm tra không quá 02 lần, trừ trường hợp công trình có sự cố về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng hoặc trong trường hợp chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP) và ra thông báo kết quả kiểm tra

trong quá trình thi công xây dựng chậm nhất sau 07 ngày, kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra.

c. Tối thiểu trước 10 ngày so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu theo quy định tại Khoản 4 Điều 32 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, chủ đầu tư phải gửi văn bản đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục V Thông tư 26/2016/TT-BXD (kèm danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo mẫu phụ lục III Thông tư số 26/2016/TT-BXD và các hồ sơ có liên quan) tới phòng Quản lý đô thị quận.

d. Phòng Quản lý đô thị quận thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư và ban hành văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư trong thời gian 10 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra.

